

Số: 231/KH-THCSPP

Bình Hưng, ngày 29 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thu học phí và các khoản thu đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết 18/2025/NQ-HĐND; các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác; các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo Đề án; các khoản thu cho cá nhân học sinh năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 1888/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ quyết định 640/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 1619/SGDĐT-KHTC ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn lựa chọn nội dung trong chương trình của nhà trường từ năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 804/UBND ngày 22/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn xã Bình Hưng;

Căn cứ Công văn số 839/UBND ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng về việc triển khai Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Trường Trung học cơ sở Phong Phú xây dựng kế hoạch thu năm học 2025-2026 như sau:

I. CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2025-2026

A. ĐỐI VỚI KHỐI 6,7:

1. Học phí: Không thu

2. Các khoản thu đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị

quyết 18/2025/NQ-HĐND:

STT	Nội dung	Mức thu	Dự toán chi
1.	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú.	130.000đ/ tháng/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi GV-NV có tham gia trong công tác bán trú tùy theo số tiền thực tế mà học sinh đóng được trong tháng. - Chi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (bộ phận gián tiếp) có tham gia công tác theo kế hoạch và quyết định phân công của nhà trường. - Chi mua dụng cụ vệ sinh phục vụ bán trú. - Chi trả lương cho nhân viên phục vụ quét dọn, vệ sinh nhà ăn và phòng ngủ bán trú. - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm. - Trích khấu hao TSCĐ. - Chi mua văn phòng phẩm, điện, nước và hoạt động chuyên môn, phong trào, các hoạt động chuyên môn và trang bị, sửa chữa cơ sở vật chất.... - Trích 40% CCTL; trích lập quỹ theo quy định.
2.	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường).	28.000đ/ năm học/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi khám sức khỏe ban đầu cho học sinh - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm
3.	Dịch vụ sử dụng máy lạnh:		

	<i>Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh phải đi thuê (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh).</i>	90.000đ /tháng/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi tiền thuê máy lạnh, tiền điện, bảo trì, công lắp đặt. - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm - Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động chuyên môn nhà trường
4.	Dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.	35.000đ/ tháng/ HS (Số liên lạc điện tử: 15.000đ/ tháng; Hệ thống quản lý hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá trực tuyến: 20.000đ/ tháng;	<ul style="list-style-type: none"> - Chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ. - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm

3. Các khoản thu dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo:

3.1 Các khoản thu tổ chức chương trình nhà trường:

STT	Nội dung	Mức thu	Dự toán chi
1.	Tiền tổ chức thực hiện Đề án trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”	1.725.000đ/ tháng/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi GV trực tiếp dạy phụ đạo học sinh - Chi GV trực tiếp dạy bơi lội, thuê xe, vé hồ bơi... - Chi trả đối tác giảng dạy Stem. - Chi trả đối tác giảng dạy toán - khoa. - Chi trả đối tác giảng dạy các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030". - Chi giáo viên dạy thỉnh giảng. - Chi GV dạy CLB bóng đá, bóng chuyền, thư pháp, nữ công, văn nghệ... - Chi hoạt động trải nghiệm, sáng tạo,

			<ul style="list-style-type: none"> - Chi tiết học ngoài nhà trường, hoạt động khác theo chương trình giáo dục - Chi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (bộ phận gián tiếp) có tham gia công tác theo kế hoạch và quyết định phân công của nhà trường - Chi mua sắm vật tư, hóa chất phòng thí nghiệm; đồ dùng dạy học - Chi mua sách tham khảo, sách pháp luật cho Giáo viên, học sinh... - Chi mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị - Chi tiền điện, nước, vệ sinh môi trường, thông tin truyền tin, liên lạc, vật tư văn phòng - Chi phí thuê mượn dùng cho hoạt động chuyên môn. - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm. - Trích khấu hao TSCĐ, trích 40% CCTL; trích lập quỹ theo quy định.
--	--	--	--

3.2 Các khoản thu cho cá nhân học sinh:

STT	Nội dung	Mức thu	Dự toán chi
1.	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú.	170.000đ/ năm học/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ. - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm
2.	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu.		
2.1	<i>Học phẩm (đề kiểm tra, giấy kiểm tra).</i>	50.000đ/ năm học/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

			- Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm
2.2	Học cụ - Học liệu		
4.	Tiền suất ăn trưa bán trú	30.000đ/ suất.	- Chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ. - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm
5.	Tiền nước uống	11.000đ/ tháng/ HS	- Chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ. - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm

4. Thu tiền BHYT

1	Tiền Bảo hiểm y tế học sinh	631.800/ 12 tháng/ HS	- Chi trả cho cơ quan BHXH (Thu BHYT: thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 751/TB-BHXH ngày 12/8/2025 của BHXH TP.HCM).
---	-----------------------------	-----------------------	--

B. ĐỐI VỚI KHỐI 8, 9:

1. Học phí: Không thu.

2. Các khoản thu đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết 18/2025/NQ-HĐND:

STT	Nội dung	Mức thu	Dự toán chi
1.	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú.	130.000đ/ tháng/ HS	- Chi GV-NV có tham gia trong công tác bán trú tùy theo số tiền thực tế mà học sinh đóng được trong tháng. - Chi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (bộ phận gián tiếp) có tham gia công tác theo kế hoạch và quyết định phân công của nhà trường.

			<ul style="list-style-type: none"> - Chi mua dụng cụ vệ sinh phục vụ bán trú. - Chi trả lương cho nhân viên phục vụ quét dọn, vệ sinh nhà ăn và phòng ngủ bán trú. - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm. - Trích khấu hao TSCĐ. - Chi mua văn phòng phẩm, điện, nước và hoạt động chuyên môn, phong trào, các hoạt động chuyên môn và trang bị, sửa chữa cơ sở vật chất.... - Trích 40% CCTL; trích lập quỹ theo quy định.
2.	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường).	28.000đ/ năm học/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi khám sức khỏe ban đầu cho học sinh - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm
3.	Dịch vụ sử dụng máy lạnh:		
	<i>Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh phải đi thuê (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh).</i>	90.000đ/ tháng/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi tiền thuê máy lạnh, tiền điện, bảo trì, công lắp đặt - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm - Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động chuyên môn nhà trường
4.	Dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.	35.000đ/ tháng/ HS (Số liên lạc điện tử: 15.000đ/ tháng; Hệ thống quản lý hoạt động dạy học và	<ul style="list-style-type: none"> - Chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ. - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm

		kiểm tra đánh giá trực tuyến: 20.000đ/ tháng;	
--	--	---	--

3. Các khoản thu dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo:

3.1 Các khoản thu tổ chức chương trình nhà trường

STT	Nội dung	Mức thu của trường	Dự toán chi
1.	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ (tiếng Anh).	45.000đ/ tháng/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi dạy tiếng anh tăng cường. - Chi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (bộ phận gián tiếp) có tham gia công tác theo kế hoạch và quyết định phân công của nhà trường. - Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm. - Trích khấu hao TSCĐ. - Chi mua văn phòng phẩm, điện, nước và hoạt động chuyên môn, phong trào, các hoạt động chuyên môn và trang bị, sửa chữa cơ sở vật chất.... - Trích 40% CCTL; trích lập quỹ theo quy định.
2.	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống	80.000đ/ tháng/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi trả trung tâm giảng dạy: - Chi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (bộ phận gián tiếp) có tham gia công tác theo kế hoạch và quyết định phân công của nhà trường. - Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm. - Trích khấu hao TSCĐ. - Chi mua văn phòng phẩm, điện, nước và hoạt động chuyên môn, phong trào, các hoạt động chuyên môn và trang bị, sửa chữa cơ sở vật chất.... - Trích 40% CCTL; trích lập quỹ theo quy định.

3	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi	100.000đ/ tháng/ HS/ môn	<ul style="list-style-type: none"> - Chi trả trung tâm giảng dạy: - Chi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (bộ phận gián tiếp) có tham gia công tác theo kế hoạch và quyết định phân công của nhà trường. - Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm. - Trích khấu hao TSCĐ. - Chi mua văn phòng phẩm, điện, nước và hoạt động chuyên môn, phong trào, các hoạt động chuyên môn và trang bị, sửa chữa cơ sở vật chất.... - Trích 40% CCTL; trích lập quỹ theo quy định.
4	Tiền tổ chức học Tiếng Anh với người nước ngoài	200.000đ/ tháng/ HS (02 tiết/ tuần) 100.000đ/ tháng/ HS (01 tiết/ tuần)	<ul style="list-style-type: none"> - Chi trả trung tâm giảng dạy: - Chi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (bộ phận gián tiếp) có tham gia công tác theo kế hoạch và quyết định phân công của nhà trường. - Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm. - Trích khấu hao TSCĐ. - Chi mua văn phòng phẩm, điện, nước và hoạt động chuyên môn, phong trào, các hoạt động chuyên môn và trang bị, sửa chữa cơ sở vật chất.... - Trích 40% CCTL; trích lập quỹ theo quy định.
5.	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	800.000đ/ tháng/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi trả trung tâm giảng dạy: - Chi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (bộ phận gián tiếp) có tham gia công tác theo kế hoạch và quyết định phân công của nhà trường. - Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm. - Trích khấu hao TSCĐ.

			<ul style="list-style-type: none"> - Chi mua văn phòng phẩm, điện, nước và hoạt động chuyên môn, phong trào, các hoạt động chuyên môn và trang bị, sửa chữa cơ sở vật chất.... - Trích 40% CCTL; trích lập quỹ theo quy định.
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông TPHCM theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030”.	155.000đ/ tháng/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi trả trung tâm giảng dạy: - Chi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (bộ phận gián tiếp) có tham gia công tác theo kế hoạch và quyết định phân công của nhà trường. - Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm. - Trích khấu hao TSCĐ. - Chi mua văn phòng phẩm, điện, nước và hoạt động chuyên môn, phong trào, các hoạt động chuyên môn và trang bị, sửa chữa cơ sở vật chất.... - Trích 40% CCTL; trích lập quỹ theo quy định.

3.2 Các khoản thu tổ chức dịch vụ khác cho cá nhân học sinh:

STT	Nội dung	Mức thu	Dự toán chi
1.	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú.	170.000đ/ năm học/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ. - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm
2.	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu.		
2.1	<i>Học phẩm (đề kiểm tra, giấy kiểm tra).</i>	50.000đ/ năm học/ HS	<ul style="list-style-type: none"> - Chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ. - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm
2.2	<i>Học cụ - học liệu</i>		

3.	Tiền suất ăn trưa bán trú.	30.000đ/ suất.	- Chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ. - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm
4.	Tiền nước uống.	11.000đ/ tháng/ HS	- Chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ. - Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên tổng doanh thu trong năm

4. Thu tiền BHYT

1	Tiền Bảo hiểm y tế học sinh	631.800/ 12 tháng/ HS	- Chi trả cho cơ quan BHXH (Thu BHYT: thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 751/TB- BHXH ngày 12/8/2025 của BHXH TP.HCM).
---	-----------------------------	-----------------------	---

II. SỬ DỤNG CÁC KHOẢN THU:

- Trên cơ sở danh mục các khoản thu được quy định trường xây dựng Dự toán thu - chi cho từng nội dung thu, làm cơ sở cho việc tính toán mức thu cụ thể đảm bảo nguyên tắc thu đủ chi đủ, phù hợp với tình hình thực tế năm học. Riêng đối với các các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác mức thu phải phù hợp. Từ năm học 2025-2026 trở đi, tỷ lệ tăng mức thu năm học (nếu có) không quá 15% so với mức thu đã thực hiện năm học liền kề trước đó.

- Đơn vị phát hành biên lai thu tiền, hóa đơn cho học sinh khi thu tiền và lưu ý giãn thời gian thực hiện các khoản thu, không tổ chức thu gộp nhiều khoản trong cùng một thời điểm.

- Thời gian thu phải đảm bảo nguyên tắc theo số tháng thực học nhưng không vượt quá khung thời gian quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định về Kế hoạch thời gian năm học của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường có chế độ miễn, giảm phù hợp đối với trẻ em, học sinh thuộc diện chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

III. ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN HUY ĐỘNG TÀI TRỢ VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống

giáo dục quốc dân; Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT 8 ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Thực hiện quy định tại Công văn số 1427/UBND-VX ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2466/SGDĐT-KHTC ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về việc tiếp nhận tài trợ cho các cơ sở giáo dục và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; công văn số 764/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

IV. VỀ CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM, HỖ TRỢ HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP VÀ CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHÁC

- Thực hiện Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có hiệu lực từ ngày 26 tháng 6 năm 2025 áp dụng từ năm học 2025-2026;

- Thực hiện hỗ trợ học phí năm học 2025-2026 theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

V. VỀ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

- Thực hiện theo yêu cầu tại Công điện số 124/CĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.

- Thực hiện theo Quyết định số 4579/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy trình kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục và Kế hoạch số 4066/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025; trường sẽ thu qua hệ thống SSC, không thu tiền mặt tại trường.

- Trường sẽ gửi thông báo đến CMHS (trong đó có mã số học sinh) PHHS đến các điểm thu hộ (VD: ngân hàng, cửa hàng Điện máy xanh, Bách hóa xanh, Thẻ giới di động,...) để nộp tiền, hoặc chuyển tiền qua internet banking.

VI. CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU:

- Thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự



toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính.

- Tất cả các khoản thu được thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản đến phụ huynh, học sinh; bộ phận tài vụ của nhà trường thực hiện thu tiền, phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền cho từng học sinh.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Thực hiện thu học phí, các khoản thu khác ngoài học phí theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Xây dựng dự toán thu-chi đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục cho từng nội dung thu, làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể phù hợp với tình hình thực tế năm học 2025-2026; báo cáo Dự toán thu chi về cơ quan chủ quản trước khi thông báo công khai mức thu cho cha mẹ học sinh.

- Các khoản thu này phải được thống nhất với cha mẹ học sinh trước khi thực hiện và khi thu phải cấp hóa đơn, biên lai thu tiền cho từng học sinh; thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

Trên đây là dự thảo kế hoạch thu học phí và các khoản thu đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết 18/2025/NQ-HĐND; các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo Đề án; các khoản thu cho cá nhân học sinh năm học 2025-2026 của Trường Trung học cơ sở Phong Phú./.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hoá – Xã hội;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Ngọc Linh

**BIÊN BẢN
CÔNG KHAI NIÊM YẾT KẾ HOẠCH THU,
THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU, MỨC THU, NỘI DUNG CHI
NĂM HỌC 2025-2026**

Thời gian: 8 giờ 15 phút, ngày 29 tháng 9 năm 2025.

Địa điểm: Phòng truyền thống, trường Trung học cơ sở Phong Phú

Thành phần:

- Bà: Nguyễn Thị Ngọc Linh – Hiệu trưởng.
- Bà: Nguyễn Thị Thùy Dương – Chủ tịch Công đoàn
- Bà: Trương Hoàng Yên – Thư ký
- Bà : Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kế toán
- Bà: Đoàn Ngọc Hà – Trưởng ban TTND
- Bà: Nguyễn Thị Kim Thoa – Phó ban đại diện CMHS.

NỘI DUNG

1/. Hiệu trưởng công khai niêm yết Thông báo các khoản thu, mức thu, nội dung chi năm học 2025-2026:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh thông qua các văn bản hướng dẫn khoản thu trong năm học 2025-2026:

- Căn cứ Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 1888/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ quyết định 640/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ công văn số 1619/SGDDĐT-KHTC ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn lựa chọn nội dung trong chương trình của nhà trường từ năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Công văn số 804/UBND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn xã Bình Hưng;

Căn cứ vào biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh về thống nhất các khoản thu-chi năm học 2025-2026 ngày 21 tháng 9 năm 2025, lấy ý kiến thống nhất nội dung các khoản thu, mức thu, nội dung chi giữa nhà trường và phụ huynh học sinh năm học 2025-2026.

Trường Trung học cơ sở Phong Phú cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh tiến hành công khai kế hoạch thu-chi, thông báo các khoản thu, mức thu, nội dung chi năm học 2025-2026 đến toàn thể cha mẹ học sinh được biết (nội dung công khai theo Quyết định số: 232/QĐ-THCSPP ngày 29 tháng 09 năm 2025 của Trường Trung học cơ sở Phong Phú về việc công bố công khai kế hoạch các khoản thu-chi năm học 2025-2026 của Trường Trung học cơ sở Phong Phú).

- Hình thức công khai:

+ Niêm yết kế hoạch thu, thông báo các khoản thu, mức thu, nội dung chi năm học 2025-2026 trên bảng tin nhà trường.

+ Gửi thông báo bằng văn bản (Thông báo thu tiền) đến từng phụ huynh học sinh.

2/. Ý kiến các thành phần tham dự:

Các thành phần tham dự thống nhất với hình thức công khai niêm yết kế hoạch thu, thông báo các khoản thu, mức thu, nội dung chi năm học 2025-2026.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày.

Thư ký



Trương Hoàng Yên



Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Linh

Các thành viên cùng ký tên:

1. Bà: Nguyễn Thị Thùy Dương - Chủ tịch Công đoàn:.....

2. Bà: Nguyễn Thị Kim Thoa - Phó ban đại diện CMHS:

3. Bà: Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kế toán:.....

4. Bà: Đoàn Ngọc Hà - TBTTND:.....

UBND XÃ BÌNH HƯNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHONG PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 232/QĐ-THCSPP

Bình Hưng, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm học 2025-2026 áp dụng tại Trường Trung học cơ sở Phong Phú

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHONG PHÚ

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối

với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ quyết định 640/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 1619/SGDDĐT-KHTC ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn lựa chọn nội dung trong chương trình của nhà trường từ năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 804/UBND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn xã Bình Hưng;

Căn cứ Công văn số 839/UBND ngày 23/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng về việc triển khai Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục nhà trường với các nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục đối với các dịch vụ, cụ thể:

- Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú.
- Tiền dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường).
- Tiền dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có): Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê.
- Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (sổ liên lạc điện tử, Hệ thống quản lý hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá trực tuyến)
- Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi
- Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống.
- Tiền tổ chức Giáo dục STEM

- Tiền tổ chức nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế.

- Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học

- Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030": Tin học IC3

- Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú.

- Tiền học phẩm.

- Tiền suất ăn trưa bán trú (Học sinh tham gia bán trú)

- Tiền nước uống.

2. Đối tượng áp dụng:

Trường Trung học cơ sở Phong Phú, học sinh, các cá nhân có liên quan đến việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Mức giá dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục: Thực hiện theo Phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 2. Trách nhiệm của các bộ phận liên quan:

Căn cứ giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục làm cơ sở thực hiện.

Giải quyết khiếu nại liên quan đến giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục trong phạm vi quản lý. Báo cáo tình hình và vướng mắc liên quan đến giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục cho cơ quan chức năng.

Thực hiện việc theo dõi, hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước về thuế; quản lý, sử dụng số tiền còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật và cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ năm học 2025-2026. Mọi quy định trước đây trái với quyết định đều được bãi bỏ.

Điều 4. Trưởng các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chi bộ trường;
- GVCN 47 lớp;
- Ban TTND trường;
- Ban ĐDCMHS trường, lớp;
- Lưu VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Ngọc Linh



PHỤ LỤC

GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG KHÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

(Kèm theo Quyết định số: 232/QĐ-THCSPP ngày 29 tháng 9 năm 2025 của

Trường Trung học cơ sở Phong Phú)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí bán trú	Đồng/ hs/ tháng	130.000
2	Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu	Đồng/ hs/ năm	28.000
3	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có): Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê	Đồng/ hs/ tháng	90.000
4	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (SLL điện tử, Hệ thống quản lý hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá trực tuyến)	Đồng/ hs/ tháng	35.000
4.1	Sổ liên lạc điện tử	Đồng/ hs/ tháng	15.000
4.2	Hệ thống quản lý hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá trực tuyến	Đồng/ hs/ tháng	20.000
5	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi	Đồng/ hs/ tháng/ môn	100.000
6	Tiền tổ chức giáo dục Kỹ năng sống	Đồng/ hs/ tháng	80.000
7	Tiền tổ chức giáo dục Stem	Đồng/ hs/ tháng	80.000
8	Tiền tổ chức nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế	Đồng/ hs/ tháng	1.725.000
9	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	Đồng/ hs/ tháng	800.000
10	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030": Tin học ICDL	Đồng/ hs/ tháng	155.000
11	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	Đồng/ hs/ năm học	170.000
12	Học phẩm	Đồng/ hs/ năm học	50.000
13	Tiền suất ăn trưa bán trú	Đồng/ hs/ ngày	30.000
14	Tiền nước uống	Đồng/ hs/ tháng	11.000

- Giá dịch vụ nêu trên bao gồm chi phí trực tiếp để thực hiện dịch vụ.